

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2019 và 6 tháng đầu năm 2020

Theo Công văn số 281/BDT-KHTH ngày 08/06/2020 của Ban Dân tộc tỉnh về việc kiểm tra, giám sát Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững. UBND huyện Hướng Hóa báo cáo kết quả thực hiện năm 2019 và 6 tháng đầu năm 2020 như sau:

I/ CÔNG CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

1. Đặc điểm chung của huyện

- Hướng Hóa là huyện miền núi, vùng cao, biên giới nằm về phía Tây của tỉnh Quảng Trị. Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Bình, phía Nam và Tây giáp nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, phía Đông giáp với huyện Gio Linh, Vĩnh Linh và Đakrông. Đầu năm 2020, toàn huyện có 22 đơn vị hành chính, trong đó có 20 xã và 02 thị trấn (Khe Sanh và Lao Bảo) (trong đó, có 13 xã đặc biệt khó khăn; 11 xã giáp biên giới Lào). Dân số toàn huyện đầu năm 2020 là: 96.808 khẩu; 22.156 hộ, 4.708 hộ nghèo, trong đó hộ đồng bào dân tộc thiểu số là: 9.648 hộ với 4.408 hộ nghèo giảm 549 hộ so với đầu năm 2019. Số xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020 được Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban Dân tộc phê duyệt tại Quyết định số 900/QĐ-TTg, ngày 20/6/2017 và Quyết định số 414/QĐ-UBND, ngày 11/7/2017 là 16 xã và 09 thôn bản.

2. Công tác tổ chức chỉ đạo thực hiện

a. Việc thành lập và hoạt động của bộ máy chỉ đạo, điều hành

- Ban hành Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 của UBND huyện về việc Thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Hướng Hóa giai đoạn 2016-2020 trên cơ sở hợp nhất Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới và Ban Chỉ đạo giảm nghèo bền vững huyện.

- Hàng năm, trên cơ sở lấy ý kiến của cộng đồng ở xã, UBND xã thông qua Hội đồng nhân dân xã đề xuất danh mục công trình, trình UBND huyện phân bổ vốn cho các xã theo đúng quy định.

- Việc phân cấp quản lý thực hiện, UBND huyện giao cho các phòng ban cấp huyện trực tiếp phụ trách trên từng lĩnh vực: phòng Tài chính - Kế hoạch là cơ quan tham mưu cho UBND huyện hướng dẫn UBND các xã về thực hiện Chương trình 135, trực tiếp quản lý về đầu tư, phân bổ, thẩm định nguồn vốn, thẩm định phê duyệt dự án, hồ sơ kết quả đấu thầu, thẩm tra quyết toán và giám sát, đánh giá đầu

tư; phòng Nông nghiệp & PTNT phụ trách Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; phòng Lao động Thương binh và Xã hội phụ trách Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững; phòng Kinh tế và Hạ tầng phụ trách công tác thẩm định thiết kế dự toán các dự án do UBND xã làm chủ đầu tư; Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện trực tiếp quản lý các công trình do UBND huyện làm chủ đầu tư.

- Việc thực hiện công khai dân chủ trong đầu tư được thực hiện sau khi có quyết định của UBND huyện phân bổ vốn đầu tư.

- Các công trình sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng các chủ đầu tư bàn giao cho UBND xã quản lý và giao cho đơn vị sử dụng trực tiếp quản lý. Một số công trình công cộng, UBND các xã thành lập các tổ tự quản để vận hành.

- Trên cơ sở nội dung của Chương trình và phân bổ nguồn của UBND tỉnh, UBND huyện đã phân bổ vốn và giao cho UBND các xã tuyên truyền đến người dân thuộc các xã, thôn thuộc dự án; hầu hết người dân trên địa bàn được hưởng lợi đều biết về Chương trình 135, tuy nhiên, người dân chưa chủ động tham gia trong lập kế hoạch, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình.

Việc thực hiện nguyên tắc: Xã có công trình, dân có việc làm và tăng thêm thu nhập trên địa bàn các xã đều chưa thực hiện được, đa số là việc điều động nhân công do nhà thầu thực hiện.

b. Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện

- Trên cơ sở phân cấp quản lý của UBND huyện, các chủ đầu tư tự tổ chức đánh giá giám sát thực hiện. Trong năm 2019 và 06 tháng đầu năm 2020 có các đoàn thanh kiểm tra của các cấp, ngành về việc thực hiện Chương trình như: Đoàn giám sát Ban Dân tộc HĐND huyện; Đoàn Thanh tra UBND Trung ương về thanh tra việc thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện. Bên cạnh đó, việc thực hiện dự án về cơ sở hạ tầng, Phòng Kinh tế và Hạ tầng chủ động cử cán bộ đi giám sát thi công và giám sát về kỹ thuật các công trình; Về hỗ trợ phát triển sản xuất: Phòng Dân tộc, phòng Nông nghiệp và PTNT, phòng Lao động TB&XH huyện đi giám sát việc cấp phát các loại giống cây trồng, vật nuôi; theo dõi, giám sát việc thực hiện của nhân dân trên địa bàn các xã; Phòng Lao động TB&XH, Trung tâm VH-TT-TDTT huyện tổ chức công tác truyền thông về giảm nghèo và thông tin.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình 135

1.1. Tiểu dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất (Kèm theo biểu 01)

a) Năm 2019

- Tổng nguồn vốn đã được phân bổ là 4.864,4 triệu đồng. Trong đó, vốn NSTW đã thực hiện là 4.800 triệu đồng và vốn nhân dân đóng góp: 64,4 triệu đồng.

- Số hộ hưởng lợi: 1.210 hộ.

- Nội dung hỗ trợ các hợp phần bao gồm:

+ Về hỗ trợ giống vật nuôi: Giống bò cái vàng Việt Nam: 124 con, với 158 hộ hưởng lợi; Giống Dê cỏ địa phương: 390 con, với 164 hộ hưởng lợi; Giống Bò cái Lai sind: 26 con với 52 hộ hưởng lợi.

+ Về hỗ trợ giống cây trồng: Lúa Thiên ưu 1.510Kg, với 20 hộ hưởng lợi; cây Cao Su: 18.033 cây, với 48 hộ hưởng lợi; Keo lai Giâm hom 345.300 cây, với 71 hộ hưởng lợi; cây ăn quả: 5.456 cây, với 36 hộ hưởng lợi.

+ Về hỗ trợ vắc xin tiêm phòng: 2.839 liều cho 661 hộ hưởng lợi.

+ Tập huấn khuyến nông, khuyến lâm: 02 lớp, với 60 hộ hưởng lợi.

b) 6 tháng đầu năm 2020

UBND huyện đã có Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 về việc giao chi tiết dự toán chi ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững , kế hoạch năm 2020; Quyết định số 1154/QĐ-UBND ngày 04/6/2020 của UBND huyện Hướng Hóa về việc điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020 thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững.

Tổng kế hoạch vốn phân bổ 5.200 triệu đồng cho 14 xã đặc biệt khó khăn (Hướng Tân, Hướng Linh, Hướng Sơn, Hướng Phùng, Hướng Lập, Hướng Việt, Húc, Thuận, Hướng Lộc, Thanh, Lìa, Xy, A Dơi, Ba Tầng) và 03 thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc 02 thị trấn Khe Sanh và Lao Bảo (Khối 6, Ka Tăng, Ka Túp)

Phòng Nông nghiệp và PTNT cũng đã ban hành hướng dẫn tổ chức thực hiện đảm bảo theo quy định chung theo Công văn số 38/PTNT-CSPTNT ngày 06/02/2020 của Chi cục Phát triển nông thôn về triển khai thực hiện hợp phần hỗ trợ PTSX đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2020. Đến nay, chưa có xã nào được phê duyệt thuyết minh dự án để tổ chức thực hiện.

Đánh giá tình hình thực hiện Tiểu dự án: Việc tổ chức thực hiện hợp phần dự án có hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của từng xã, thôn bản. Tuy nhiên, công tác triển khai ở các xã còn chậm do tiếp nhận nguồn vốn chậm, các hợp phần của dự án đã triển khai thực hiện nhưng thủ tục nộp thanh toán cho kho bạc chậm nên chưa thể hiện được khối lượng và số liệu giải ngân đúng thời hạn.

1.2. Tiểu dự án Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng

a) Năm 2019 (Kèm theo biểu 02).

- Tổng nguồn vốn đã được phân bổ cho công trình năm 2019 là: 26.046,68 triệu đồng và vốn nhân dân đóng góp là: 651 triệu đồng. Trong đó huyện làm chủ đầu tư 13.595,5 triệu đồng; xã làm chủ đầu tư 12.451,17 triệu đồng. Vốn duy tu bảo dưỡng 1.147 triệu đồng, đã giải ngân 960,9 triệu đồng đạt 83,78%.

b) 6 tháng đầu năm 2020 (Kèm theo biểu 03)

- Tổng nguồn vốn đã được phân bổ cho công trình năm 2020 là: 17.666 triệu đồng, vốn đã giải ngân đến nay là 5.904,6 triệu đồng.

- Vốn năm 2019 kéo dài là 5.262,95 triệu đồng, vốn đã giải ngân 2.963,34 triệu đồng.

- Đánh giá tình hình thực hiện Tiểu dự án: Do nguồn vốn phân bổ chậm, dẫn đến công tác lập kế hoạch có nhiều vướng mắc, nhất là công tác lập kế hoạch và chuẩn bị đầu tư. Đến nay, còn một số dự án vẫn chưa hoàn thiện về khối lượng và giải ngân theo đúng quy định.

1.3. Tiểu dự án Nâng cao năng lực cộng đồng (Kèm theo biểu 04)

- Tổng nguồn vốn đã được phân bổ năm 2019 là 210 triệu đồng; năm 2020 là 250 triệu đồng.

- Nội dung các hoạt động nâng cao năng lực: Tổ chức 29 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho cộng đồng, người có uy tín và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, thôn bản đặc biệt khó khăn. Nội dung tập huấn đi sâu vào một số chuyên đề về “Những chủ trương cơ bản của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về chế độ chính sách cho người có uy tín trong cộng đồng dân tộc thiểu số”, “Nâng cao ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ thôn, xã và người có uy tín thực hiện nhiệm vụ công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước”, “Công tác nghiên cứu dư luận xã hội và công tác tuyên truyền bảo vệ An ninh tổ quốc trong tình hình mới”, “Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc”.

- Số lượt người tham gia: 1.534 người. Trong đó: cán bộ thôn, bản 468 người, người dân 1.066 người.

- Tiến độ thực hiện: Năm 2019 đã hoàn thành, năm 2020 đang triển khai thực hiện.

- Đánh giá tình hình thực hiện Tiểu dự án: Tuy thời gian tập huấn không dài, nhưng những kiến thức được cung cấp, bồi dưỡng là nền tảng, làm cơ sở để cán bộ thôn, xã đặc biệt khó khăn và cộng đồng người có uy tín phát huy hơn nữa vai trò, vị trí nhiệm vụ của mình nhằm góp phần chuyển dịch, từng bước xóa đói giảm nghèo; tăng trưởng bền vững và phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn.

2. Chính sách đặc thù phát triển kinh tế - xã hội theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg; Nghị quyết 10/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị.

2.1. Chính sách đặc thù phát triển kinh tế - xã hội theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (Kèm theo biểu 05)

Kết quả thực hiện theo Quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc bố trí kinh phí thực hiện một số chính sách đặc thù

đối với đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ với tổng số tiền: 300.000.000 đồng.

UBND huyện đã ban hành Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 13/5/2019 phân bổ kinh phí về cho UBND các xã để làm Giếng khoan và mua Bồn nước như sau:

- UBND xã Thuận (Khoan giếng cho nhân dân): 90.000.000 đồng, với 60 hộ hưởng lợi.

- UBND xã Thanh (Bồn đựng nước): 90.000.000 đồng, với 60 hộ hưởng lợi.

- UBND xã Hương Lộc (Khoan giếng cho nhân dân): 120.000.000 đồng, với 80 hộ hưởng lợi.

UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1912/QĐ-UBND ngày 17/7/2019 về phân bổ kinh phí cho UBND xã Hương Linh 100 triệu đồng để hỗ trợ khai hoang đất sản xuất; 200 triệu đồng phân bổ cho Phòng Dân tộc thực hiện hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 40 hộ ở khóm Ka Túp, Khe Đá của thị trấn Lao Bảo đã thực hiện.

UBND huyện đã ban hành Quyết định số 793/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 về phân bổ kinh phí 250 triệu cho UBND xã Hương Phùng hỗ trợ khai hoang đất sản xuất. Hiện nay đang triển khai thực hiện.

2.2. Chính sách thực hiện theo Nghị quyết 10/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị (Kèm theo biểu 06)

Năm 2019, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 4069/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh Quảng Trị và thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sản xuất cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Hương Hóa;

Tổng kinh phí phân bổ 1.714,8 triệu đồng. UBND huyện đã thực hiện phân bổ cho UBND các xã, thị trấn chi trả tiền tạo mặt bằng đất ở cho 1.196 hộ, với số tiền 717,6 triệu đồng (theo Quyết định số 1769/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND huyện Hương Hóa)

Năm 2020, tổng kinh phí được phân bổ 1.143 triệu đồng. Căn cứ vào Quyết định số 4069/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND huyện, trong năm 2020 sẽ tiến hành đo vẽ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sản xuất cho xã Hương Sơn (40hộ)

3. Đánh giá về kết quả lồng ghép, huy động nguồn lực nhằm thực hiện đồng bộ các nội dung của Chương trình 135

- Do nguồn vốn phân bổ chậm, không chủ động được nguồn nên trong kế hoạch không lồng ghép được với các nguồn khác. Các công trình, dự án qua các năm chủ yếu sử dụng nguồn vốn của chương trình, không lồng ghép với các nguồn khác các công trình quy mô nhỏ, tính hiệu quả trong lồng ghép không cao.

4. Đánh giá tác động của Chương trình 135

- Việc thực hiện Chương trình 135 đã được các cấp uỷ đảng, chính quyền quan tâm chỉ đạo thực hiện, tạo được sự đồng thuận cao trong nhân dân, đặc biệt là đồng bào người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn. Các hợp phần hỗ trợ đã góp phần làm thay đổi cơ bản diện mạo mới cho các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn huyện Hướng Hoá; đời sống đồng bào dân tộc thiểu số từng bước được cải thiện, tỷ lệ đói nghèo giảm; trình độ dân trí được nâng lên, tập quán và kỹ thuật sản xuất của đồng bào dân tộc thiểu số có sự chuyển biến theo hướng sản xuất hàng hóa; tỷ lệ thôn bản có điện, đường, trường lớp học, nhà văn hóa, công trình thủy lợi tăng lên; đội ngũ cán bộ cơ sở được bồi dưỡng. Từ những kết quả đạt được, có thể khẳng định đây là chương trình hợp lòng dân, được nhân dân đồng tình ủng hộ; từng nội dung hỗ trợ đầu tư đã tác động mạnh mẽ, thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

6. Khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất

a. Khó khăn, vướng mắc

- Việc thực hiện Chương trình 135 còn phức tạp, phải qua nhiều cơ quan thẩm định, dẫn đến thời gian chuẩn bị đầu tư bị kéo dài, làm giảm hiệu quả đầu tư.

- Nguồn vốn thực hiện các Dự án còn thấp, một số công trình xây dựng quy mô nhỏ, thiếu đồng bộ, đối tượng đầu tư hạn chế, khó lồng ghép các chương trình, dự án.

- Một số mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất chưa có đầu ra phù hợp, dẫn đến kết quả đạt được chưa cao.

- Một bộ phận người dân còn thụ động, ỷ lại trông chờ vào sự trợ giúp của Nhà nước, chưa chủ động cố gắng vươn lên trong lao động, sản xuất để thoát nghèo, chưa áp dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất, chưa thay đổi nếp nghĩ, nếp làm.

b. Kiến nghị, đề xuất

- Tăng tỷ lệ vốn duy tu bảo dưỡng để phát huy tính hiệu quả của nguồn vốn.

- Cần phân bổ nguồn vốn và có văn bản hướng dẫn cụ thể ngay từ đầu năm nhằm thuận lợi trong công tác triển khai thực hiện.

- Do việc lấy số liệu các hộ theo đối tượng Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh Quảng Trị được thực hiện từ năm 2017, nên từ đó đến nay các đối tượng này có thay đổi theo hướng tăng thêm nên đề nghị UBND tỉnh, Ban Dân tộc tỉnh bổ sung thêm số lượng đối tượng phát sinh thêm.

- Định mức hỗ trợ Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh Quảng Trị được thực hiện theo Quyết định số 3188/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực

đất đai áp dụng tại Văn phòng đăng ký đất đai trên địa bàn, tuy nhiên đến nay Quyết định này không còn hiệu lực và đã thay thế, và thực hiện theo Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng đăng ký đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 của UBND tỉnh Quảng Trị về ban hành đơn giá đo đạc bản đồ, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất; lập hồ sơ địa chính; cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị nên có sự chênh lệch, đề nghị UBND tỉnh, Ban Dân tộc tỉnh tính định mức hỗ trợ theo 02 Quyết định nói trên.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2019 và 6 tháng đầu năm 2020 của UBND huyện Hướng Hóa./.

Nơi nhận:

- Đoàn kiểm tra;
- CT. các PCT UBND huyện;
- C, PVP, CV;
- Phòng Dân tộc;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Trọng Hồ

Biểu 01

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CHƯƠNG TRÌNH 135 NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 282/BC-UBND ngày 18/6 / năm 2020 của UBND huyện)



Tu

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Khối lượng		Số hộ hưởng lợi	Vốn (tr.đ)				Vốn giải ngân		Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện		Tổng vốn	NSTW	NSDP	Dân góp, vốn khác	Tổng số	Vốn CT 135	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG				1210	4863,94	4799,54	0	64,429	4863,945	4799,54	
1	Cây trồng											
	Giống lúa Thiên ưu 8	Kg	1.510	1.510	20	34,73	34,73	0	0			
	Cây cao su	Cây	18.033	18.033	48	540,99	540,99	0	0			
	quy ra ha	Ha	32	32				0	0			
	Keo lai giâm hom	Cây	345.300	345.300	71	345,62	345,62	0	0			
	quy ra ha	Ha	157	157				0	0			
	Cây ăn quả	Cây	5.456	5.456	36	317,33	317,33	0	0			
2	Vật nuôi											
2,1	Bò cái vàng Việt Nam	Con	124	124	158	1866,697	1807,495	0	59,229			
	Quy đổi trọng lượng bò	Kg	14.727	14.727				0	0			
2,2	Dê cái cỏ địa phương	Con	390	390	164	1228,165	1228,165	0	0			
	Quy đổi trọng lượng dê	Kg	7.224,5	7.224,5				0	0			
2,3	Bò cái lai Sind	Con	26	26	52	499,2	494	0	5,2			
	Quy đổi ra trọng lượng	Kg	4.160	4.160				0	0			
3	Vật tư chủ yếu											
	Vắc xin	Liều	2.839	2.839	661	27,24	27,24	0	0			
4	Hỗ trợ đào tạo tập huấn											
	Tập huấn chăn nuôi	Lớp	2	2	60	3,9725	3,9725	0	0			

KẾT QUẢ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2019 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG



Số báo cáo số: 292/BC-UBND ngày 18/6/2020 của UBND huyện Hương Hóa

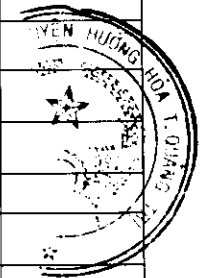
ĐVT: Đồng

TT	Danh mục các công trình	Tổng cộng vốn năm 2019	Trong đó:			Đã giải ngân	Tỷ lệ giải ngân	Số vốn còn lại chưa thanh toán	Ghi chú
			Kế hoạch 2019	Dự tạm ứng	Vốn năm 2018 kéo dài				
	TỔNG CỘNG VỐN ĐẦU TƯ	26.046.683.000	18.162.000.000	3.786.184.000	4.098.499.000	24.203.756.867	92,92%	1.842.926.133	
I	UBND HUYỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ	13.595.506.000	6.086.000.000	3.597.545.000	3.911.961.000	12.586.472.000	92,58%	1.009.034.000	
1	Đường giao thông thôn Ka Tiếng ra vùng sản xuất tập trung, xã Hương Việt	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện 11.400.000			11.400.000	11.400.000	100,00%	0	
2	Đường giao thông thôn Pà Xia đi thôn Ra Ty (đoạn 4), xã Hương Lộc	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện 8.547.000			8.547.000	8.547.000	100,00%	0	
3	Đường giao thông Pa Lọ Vạc đi thôn A Cha, xã Thanh	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện 11.400.000			11.400.000	11.400.000	100,00%	0	
4	Đường ra vùng sản xuất tập trung Tà Nua - Troan Ô, xã Xy	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện 11.400.000			11.400.000	11.400.000	100,00%	0	
5	Đường giao thông từ thôn Tăng Quan 1 vào khu sản xuất Bờ Rô, xã A Xing	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện 10.925.000			10.925.000	10.925.000	100,00%	0	
6	Đường ra khu sản xuất xã Tân Thành	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện 19.000.000			19.000.000	19.000.000	100,00%	0	
7	Đập thủy lợi và kênh mương Khe Ta Bang, thôn Nguồn Rào, xã Hương Sơn	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện 9.500.000			9.500.000	9.500.000	100,00%	0	
8	Phòng học, nhà công vụ trường Tiểu học A Túc	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện 8.303.000			8.303.000	8.303.000	100,00%	0	
9	Trường Mầm non Húc. - HM: Điểm trường Húc Ván; Điểm trường Húc Thương; Điểm trường Tà Rừng	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện 5.021.000			5.021.000	5.021.000	100,00%	0	
10	Trường Mầm non Ba Tầng	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện 27.360.000			27.360.000	0	0,00%	27.360.000	
11	Trường Tiểu học Xy	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện 17.100.000			17.100.000	0	0,00%	17.100.000	
12	Trường Mầm non Húc	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện 28.317.000			28.317.000	0	0,00%	28.317.000	
13	Trường Tiểu học A Dơi	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện 17.100.000			17.100.000	0	0,00%	17.100.000	



TT	Danh mục các công trình	Chủ đầu tư	Tổng cộng vốn năm 2019	Trong đó:			Đã giải ngân	Tỷ lệ giải ngân	Số vốn còn lại chưa thanh toán	Ghi chú
				Kế hoạch 2019	Dự tạm ứng	Vốn năm 2018 kéo dài				
14	Trường Tiểu học A Túc	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	12.648.000			12.648.000	0	0,00%	12.648.000	
15	Đường liên thôn Cha Lý-Xê Pu, xã Hương Lập	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	19.950.000	19.950.000	0	0	19.950.000	100,00%	0	
16	Đường bê tông nội thôn Xa Re, xã Hương Tân	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	856.959.000	619.252.000	237.707.000		856.959.000	100,00%	0	
17	Đường giao thông thôn Pá Xía đi thôn Ra Ty, xã Hương Lộc; Hạng mục: Ngâm tràn liên hợp (Km7+300-Km7+400)	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	1.801.606.000	145.029.000	785.000.000	871.577.000	1.801.606.000	100,00%	0	
18	Đường giao thông nội thôn Húc, xã A Túc	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	1.754.047.000	730.759.000	463.561.000	559.727.000	1.754.047.000	100,00%	0	
19	Đường vào khu sản xuất thôn Miệt, xã Hương Linh	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	870.000.000	870.000.000			469.540.000	53,97%	400.460.000	
20	Đường nội thôn Miệt cũ, xã Hương Linh (từ Km0+00 - Km0+700)	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	880.626.000	25.541.000	402.000.000	453.085.000	880.626.000	100,00%	0	
21	Đường giao thông vào khu sản xuất thôn Ta Cu, xã Húc	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	268.000.000	268.000.000			268.000.000	100,00%	0	
22	Đường giao thông từ thôn Húc Thượng đi Tà Rừng, xã Húc	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	1.732.069.000	32.559.000	800.000.000	899.510.000	1.732.069.000	100,00%	0	
23	Đường giao thông thôn A Pong đến thôn Tà Ry, xã Húc	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	356.000.000	356.000.000			356.000.000	100,00%	0	
24	Đường giao thông thôn Tăng Cô, xã A Túc	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	400.000.000	400.000.000			400.000.000	100,00%	0	
25	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tân Vinh, xã Hương Tân	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	690.079.000	100.377.000	308.577.000	281.125.000	690.079.000	100,00%	0	
26	Điểm trường Tiểu học thôn Cù Bai, xã Hương Lập; Hạng mục: 02 phòng học, 01 nhà ở giáo viên	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	646.000.000	646.000.000			646.000.000	100,00%	0	
27	Nâng cấp, sửa chữa trường PT DTBT TH&THCS Hương Sơn	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	922.745.000	922.745.000			866.074.000	93,86%	56.671.000	
28	Đường giao thông và Ngâm tràn liên hợp A Xoi đi A Cha xã A Túc	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	900.000.000	900.000.000			450.622.000	50,07%	449.378.000	
29	Đập thủy lợi và hệ thống kênh mương từ Khe Ta Bang 2, thôn Nguồn Rào, xã Hương Sơn	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	832.704.000	34.538.000	382.000.000	416.166.000	832.704.000	100,00%	0	
30	Trạm y tế xã Tân Thành - HM- Khu phụ sản, nhà xử lý rác thải y tế	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	466.700.000	15.250.000	218.700.000	232.750.000	466.700.000	100,00%	0	

TT	Danh mục các công trình	Chủ đầu tư	Tổng cộng vốn năm 2019	Trong đó:			Đã giải ngân	Tỷ lệ giải ngân	Số vốn còn lại chưa thanh toán	Ghi chú
				Kế hoạch 2019	Dự tạm ứng	Vốn năm 2018 kéo dài				
II	UBND CẤP XÃ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ		12.451.177.000	12.076.000.000	188.639.000	186.538.000	11.617.284.867	93,30%	833.892.133	
1	Đường giao thông từ thôn A Cha vào thôn Kinh tế mới, xã A Xing (Lý trình: Km1+400 - Km2+47,69)	UBND xã A Xing	31.502.000		18.047.000	13.455.000	28.593.000	90,77%	2.909.000	
2	Đường giao thông nội thôn bản Vây 2	UBND xã Tân Lập	10.101.000			10.101.000	0	0,00%	10.101.000	
3	Nâng cấp, sửa chữa Nhà cộng đồng bản Khe Đá	UBND TT Lao Bảo	42.412.000			42.412.000	39.327.000	92,73%	3.085.000	
4	Đường bê tông đi khu sản xuất thôn Khôi 6, Thị trấn Khe Sanh	UBND TT Khe Sanh	206.947.000	200.000.000		6.947.000	191.652.000	92,61%	15.295.000	
5	Đường bê tông nội thôn bản Khe Đá (giai đoạn 1)	UBND TT Lao Bảo	200.000.000	200.000.000			200.000.000	100,00%	0	
6	Đường bê tông nội bản Ka Túp	UBND TT Lao Bảo	200.000.000	200.000.000			200.000.000	100,00%	0	
7	Đường giao thông thôn A Dơi Đór, xã A Dơi (Km0+800 - Km1+600)	UBND xã A Dơi	728.000.000	728.000.000			722.424.000	99,23%	5.576.000	
8	Xây dựng điểm trường Tiểu học và THCS xã A Dơi; Điểm trường thôn Prin	UBND xã A Dơi	71.863.000	0		71.863.000	71.863.000	100,00%	0	
9	Đường giao thông thôn Kỳ Rỹ đi thôn Tăng Quan, xã A Xing (Km0+00-	UBND xã A Xing	380.000.000	380.000.000			378.437.000	99,59%	1.563.000	
10	Đường giao thông thôn A Mờ đi thôn A Tổng, xã A Xing (Km0+00-Km0+500)	UBND xã A Xing	260.000.000	260.000.000			251.634.000	96,78%	8.366.000	
11	Đường giao thông thôn A Cha đi khu sản xuất thôn A Cha, xã A Xing	UBND xã A Xing	728.000.000	728.000.000			697.999.000	95,88%	30.001.000	
12	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Măng Sóng, xã Ba Tầng	UBND xã Ba Tầng	160.000.000	160.000.000			131.368.000	82,11%	28.632.000	
13	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Xa Tuông, xã Ba Tầng	UBND xã Ba Tầng	157.000.000	157.000.000			143.514.000	91,41%	13.486.000	
14	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Xa Rô, xã Ba Tầng	UBND xã Ba Tầng	400.000.000	400.000.000			319.000.000	79,75%	81.000.000	
15	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Ba lòng, xã Ba Tầng	UBND xã Ba Tầng	330.000.000	330.000.000			323.000.000	97,88%	7.000.000	
16	Bê tông hóa đường liên thôn Pá Xía - Ra Ty, xã Hường Lộc	UBND xã Hường Lộc	189.000.000	189.000.000			189.000.000	100,00%	0	
17	Đường liên thôn Phùng Lâm - Cỏ Nhồi, xã Hường Phùng (Km 2+717- km 3-367)	UBND xã Hường Phùng	400.000.000	400.000.000			400.000.000	100,00%	0	
18	Đường giao thông nội thôn But Việt (Km 0+00- km 400), xã Hường Phùng	UBND xã Hường Phùng	499.000.000	499.000.000			470.478.000	94,28%	28.522.000	
19	Đường ra khu sản xuất thôn Hồ, xã Hường Sơn	UBND xã Hường Sơn	599.000.000	599.000.000			599.000.000	100,00%	0	
20	Đường ra khu sản xuất thôn Pin, xã Hường Sơn	UBND xã Hường Sơn	500.000.000	500.000.000			500.000.000	100,00%	0	
21	Đường giao thông thôn Ruộng đi thôn Xa Ruộng, xã Hường Tân	UBND xã Hường Tân	108.000.000	108.000.000			0	0,00%	108.000.000	
22	Sửa chữa Hệ thống cấp nước sạch thôn Chai, xã Hường Việt	UBND xã Hường Việt	481.000.000	481.000.000			297.761.000	61,90%	183.239.000	
23	Trường Tiểu học và THCS Hường Việt. Hạng mục: Phòng thực hành	UBND xã Hường Việt	280.000.000	280.000.000			278.437.867	99,44%	1.562.133	
24	Nâng cấp Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tả Dù, xã Tân Hợp	UBND xã Tân Hợp	212.178.000	200.000.000	12.178.000		203.964.000	96,13%	8.214.000	



TT	Danh mục các công trình	Chủ đầu tư	Tổng cộng vốn năm 2019	Trong đó:			Đã giải ngân	Tỷ lệ giải ngân	Số vốn còn lại chưa thanh toán	Ghi chú
				Kế hoạch 2019	Dự tạm ứng	Vốn năm 2018 kéo dài				
25	Đường vào khu sản xuất Bán Vây 1	UBND xã Tân Lập	299.000.000	299.000.000			299.000.000	100,00%	0	
26	Đường vào khu sản xuất Bán Cồn	UBND xã Tân Lập	200.000.000	200.000.000			200.000.000	100,00%	0	
27	Đường vào khu sản xuất Bán Bù	UBND xã Tân Lập	200.000.000	200.000.000			200.000.000	100,00%	0	
28	Đường vào khu sản xuất Bán Vây 2	UBND xã Tân Lập	100.000.000	100.000.000			100.000.000	100,00%	0	
29	Đường ra khu sản xuất thôn Làng Vây (Km0+00 - Km0+200)	UBND xã Tân Long	358.414.000	200.000.000	158.414.000		358.414.000	100,00%	0	
30	Cổng đường GTNT thôn Nam Xuân Đức và thôn Cổ Thành, xã Tân Thành	UBND xã Tân Thành	400.000.000	400.000.000			400.000.000	100,00%	0	
31	Trường Mầm non Tân Thành. Hạng mục: 02 phòng học, sân chơi	UBND xã Tân Thành	400.000.000	400.000.000			400.000.000	100,00%	0	
32	Đường giao thông bán 10 ra khu sản xuất tập trung, xã Thanh	UBND xã Thanh	700.000.000	700.000.000			434.000.000	62,00%	266.000.000	
33	Đường giao thông A Ho ra khu sản xuất, xã Thanh	UBND xã Thanh	388.000.000	388.000.000			388.000.000	100,00%	0	
34	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Pa Lọ Ô, xã Thanh	UBND xã Thanh	52.760.000	11.000.000	41.760.000		44.425.000	84,20%	8.335.000	
35	Đường giao thông Bán 7 mới đi Bán 7 cũ, xã Thuận	UBND xã Thuận	300.000.000	300.000.000			289.982.000	96,66%	10.018.000	
36	Đường giao thông Bán 1 cũ đi Bán 1 mới, xã Thuận (giai đoạn 2- từ Km0+532- Km0+938)	UBND xã Thuận	460.000.000	460.000.000			454.141.000	98,73%	5.859.000	
37	Đường Trung tâm xã đi Thuận Trung 2, xã Thuận	UBND xã Thuận	239.000.000	239.000.000			239.000.000	100,00%	0	
38	Đường vào khu sản xuất tập trung thôn thôn Tà Nua - Troan Thượng, xã Xy	UBND xã Xy	450.000.000	450.000.000			450.000.000	100,00%	0	
39	Đường ra khu sản xuất thôn Troan Thượng- Xy La, xã Xy	UBND xã Xy	490.000.000	490.000.000			482.871.000	98,55%	7.129.000	
40	Trường Mầm non xã Xy; Hạng mục: Xây mới 02 phòng học điểm chính thôn Troan Ô	UBND xã Xy	240.000.000	240.000.000			240.000.000	100,00%	0	
III	Vốn Duy tu bảo dưỡng		1.147.000.000	1.147.000.000			960.940.000	83,78%	186.060.000	
1	Sửa chữa sạt lở công km1+400 đường Hương Phùng - Hương Sơn, xã Hương Phùng	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	430.000.000	430.000.000			393.206.000	91,44%	36.794.000	
2	Sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt thôn Ta Ry 1 và thôn Húc Thượng, xã Húc	UBND xã Húc	190.000.000	190.000.000			170.576.000	89,78%	19.424.000	
3	Sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt Thôn Húc - Pa Lu và thôn A Xau, xã A Túc	UBND xã A Túc	120.000.000	120.000.000			119.068.000	99,22%	932.000	
4	Sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt xã A Dơi	UBND xã A Dơi	150.000.000	150.000.000			108.153.000	72,10%	41.847.000	
5	Sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt thôn Cheng, xã Hương Lộc	UBND xã Hương Lộc	80.000.000	80.000.000			80.000.000	100,00%	0	
6	Sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt xã Ba Tầng	UBND xã Ba Tầng	87.000.000	87.000.000			0	0,00%	87.000.000	
7	Sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt thôn A Máy, Cu Rông, A Tông, A Mor, xã A Xing	UBND xã A Xing	90.000.000	90.000.000			89.937.000	99,93%	63.000	

Biểu 03

KẾT QUẢ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2020 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG

(Kèm theo báo cáo số: 282/BC-UBND ngày 18/6/2020 của UBND huyện Hướng Hóa) *tu*

ĐVT: đồng

TT	Danh mục, công trình dự án	Chủ đầu tư/ Ban Quản lý Dự án	Mã số dự án	Vốn thực hiện năm 2020			Số giải ngân đến 17/6/2020	Tỷ lệ giải ngân	Số vốn còn lại chưa thanh toán	Ghi chú
				Tổng cộng	Vốn năm 2019 kéo dài	Vốn phân bổ năm 2020				
A	VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN			22.928.956.133	5.262.956.133	17.666.000.000	8.867.950.000	38,68%	14.061.006.133	
I	VỐN 2019 KÉO DÀI			5.262.956.133	5.262.956.133	-	2.963.345.000	56,31%	2.299.611.133	
1	Nâng cấp nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tà Đù xã Tân Hợp	UBND xã Tân Hợp	7645948	8.214.000	8.214.000			0,00%	8.214.000	
2	Đường bê tông đi khu sản xuất thôn Khôi 6, thị trấn Khe Sanh	UBND TT Khe Sanh	7647572	15.295.000	15.295.000		3.767.000	24,63%	11.528.000	
3	Đường giao thông Bàn 7 mới đi Bàn 7 cũ, xã Thuận	UBND xã Thuận	7659564	10.018.000	10.018.000			0,00%	10.018.000	
4	Trường Tiểu học và THCS Hướng Việt; Hạng mục: Phòng Thực	UBND xã Hướng Việt	7715883	1.562.133	1.562.133			0,00%	1.562.133	
5	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Xa Tuồng, xã Ba Tầng	UBND xã Ba Tầng	7717796	13.486.000	13.486.000			0,00%	13.486.000	
6	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Mãng Sông, xã Ba Tầng	UBND xã Ba Tầng	7717797	28.632.000	28.632.000			0,00%	28.632.000	
7	Đường giao thông thôn Kỳ Rỳ đi thôn Tăng Quan, xã A Xing (Km0+00 - Km0+650)	UBND xã A Xing	7717798	1.563.000	1.563.000			0,00%	1.563.000	
8	Đường giao thông thôn A Mờ đi thôn A Tông, xã A Xing (Km0+00 - Km0+500)	UBND xã A Xing	7717799	8.366.000	8.366.000			0,00%	8.366.000	
9	Đường giao thông Bàn 1 cũ đi Bàn 1 mới, xã Thuận (giai đoạn 2- từ Km0+532 - Km0+938)	UBND xã Thuận	7717800	5.859.000	5.859.000			0,00%	5.859.000	
10	Đường bê tông nội thôn bán Khe Đá (Giai đoạn 1)	UBND TT Lao Bảo	7764534	168.334.000	168.334.000		168.334.000	100,00%	-	
11	Đường giao thông vào khu sản xuất tập trung thôn Tà Cu, xã Húc	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	7766277	182.924.000	182.924.000		182.924.000	100,00%	-	
12	Đường giao thông thôn A Pong đến thôn Tà Ry, xã Húc	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	7766278	259.286.000	259.286.000		259.286.000	100,00%	-	
13	Đường giao thông thôn Tăng Cò, xã A Túc	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	7766280	310.681.000	310.681.000		310.681.000	100,00%	-	
14	Đường vào khu sản xuất thôn Miệt, xã Hướng Linh	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	7766539	774.916.000	774.916.000		774.916.000	100,00%	-	



TT	Danh mục, công trình dự án	Chủ đầu tư/ Ban Quản lý Dự án	Mã số dự án	Vốn thực hiện năm 2020			Số giải ngân đến 17/6/2020	Tỷ lệ giải ngân	Số vốn còn lại chưa thanh toán	Ghi chú
				Tổng cộng	Vốn năm 2019 kéo dài	Vốn phân bổ năm 2020				
15	Đường giao thông nội thôn Bụi Việt (Km0+00 - Km0+400), xã Hướng Phùng	UBND xã Hướng Phùng	7767181	28.522.000	28.522.000		13.295.000	46,61%	15.227.000	
16	Đường giao thông thôn A Dơi Đờ, xã A Dơi (Km0+800 - Km1+600)	UBND xã A Dơi	7770167	5.576.000	5.576.000			0,00%	5.576.000	
17	Đường vào khu sản xuất tập trung Troan Thượng - Xy La, xã Xy	UBND xã Xy	7770169	7.129.000	7.129.000			0,00%	7.129.000	
18	Đường thôn A Cha đi khu sản xuất thôn A Cha, xã A Xing	UBND xã A Xing	7771661	30.001.000	30.001.000		30.001.000	100,00%	-	
19	Đường giao thông Bản 10 ra khu sản xuất tập trung, xã Thanh	UBND xã Thanh	7772104	700.000.000	700.000.000		83.902.000	11,99%	616.098.000	
20	Đường giao thông A Ho ra khu sản xuất, xã Thanh	UBND xã Thanh	7772105	388.000.000	388.000.000		94.533.000	24,36%	293.467.000	
21	Nâng cấp, sửa chữa Trường DTBT TH & THCS Hướng Sơn	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	7778118	56.671.000	56.671.000		31.361.000	55,34%	25.310.000	
22	Đường giao thông và Ngầm tràn liên hợp A Xôi đi A Cha, xã A Túc	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	7778119	821.682.000	821.682.000		806.548.000	98,16%	15.134.000	
23	Bê tông hoá đường liên thôn Pá Xía - Ra Ty, xã Hướng Lộc	UBND xã Hướng Lộc	7783871	189.000.000	189.000.000		95.797.000	50,69%	93.203.000	
24	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Ba Lông, xã Ba Tầng	UBND xã Ba Tầng	7788826	330.000.000	330.000.000			0,00%	330.000.000	
25	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Xa Rô, xã Ba Tầng	UBND xã Ba Tầng	7788827	400.000.000	400.000.000			0,00%	400.000.000	
26	Đường giao thông thôn Ruộng đi thôn Xa Rường, xã Hướng Tân	UBND xã Hướng Tân	7789088	108.000.000	108.000.000		108.000.000	100,00%	-	
27	Sửa chữa hệ thống cấp nước sạch thôn Chai, xã Hướng Việt	UBND xã Hướng Việt	7801662	409.239.000	409.239.000			0,00%	409.239.000	
II	VỐN PHÂN BỐ 2020			17.666.000.000		17.666.000.000	5.904.605.000	33,42%	11.761.395.000	
1	Điểm trường Tiểu học thôn Cù Bai, xã Hướng Lập; Hạng mục: 02 phòng học, 01 nhà ở giáo viên	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	7766279	410.000.000		410.000.000	312.377.000	76,19%	97.623.000	
2	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Xa Rô, xã Ba Tầng	UBND xã Ba Tầng	7788827	330.000.000		330.000.000	-	0,00%	330.000.000	
3	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Ba Lông, xã Ba Tầng	UBND xã Ba Tầng	7788826	390.000.000		390.000.000	-	0,00%	390.000.000	
4	Đường giao thông bản 10 ra khu sản xuất tập trung, xã Thanh	UBND xã Thanh	7772104	300.000.000		300.000.000	83.902.000	27,97%	216.098.000	
5	Đường giao thông A Ho ra khu sản xuất, xã Thanh	UBND xã Thanh	7772105	793.000.000		793.000.000	94.533.000	11,92%	698.467.000	
6	Sửa chữa Hệ thống cấp nước sạch thôn Chai, xã Hướng Việt	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện		299.000.000		299.000.000		0,00%	299.000.000	

TT	Danh mục, công trình dự án	Chủ đầu tư/ Ban Quản lý Dự án	Mã số dự án	Vốn thực hiện năm 2020			Số giải ngân đến 17/6/2020	Tỷ lệ giải ngân	Số vốn còn lại chưa thanh toán	Ghi chú
				Tổng cộng	Vốn năm 2019 kéo dài	Vốn phân bổ năm 2020				
7	Công đường GTNT thôn Nam Xuân Đức và thôn Cổ Thành, xã Tân Thành	UBND xã Tân Thành	7764580	30.000.000		30.000.000	3.730.000	12,43%	26.270.000	
8	Trường Mầm non Tân Thành. Hạng mục: 02 phòng học, sân chơi	UBND xã Tân Thành	7764581	420.000.000		420.000.000	394.673.000	93,97%	25.327.000	
9	Đường vào khu sản xuất thôn Miệt, xã Hương Linh	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	7766539	40.000.000		40.000.000	23.041.000	57,60%	16.959.000	
10	Đường giao thông thôn A Cha đi khu sản xuất thôn A Cha, xã A Xing	UBND xã A Xing	7771661	50.000.000		50.000.000	41.084.000	82,17%	8.916.000	
11	Đường Trung tâm xã đi Thuận Trung 2, xã Thuận	UBND xã Thuận	7783870	500.000.000		500.000.000	466.225.000	93,25%	33.775.000	
12	Đường giao thông thôn Ruộng đi thôn Xa Rường, xã Hương Tân	UBND xã Hương Tân	7789088	885.000.000		885.000.000	581.241.000	65,68%	303.759.000	
13	Đường vào khu sản xuất tập trung thôn Tà Nua- Troan Thượng, xã Xy	UBND xã Xy	7770168	390.000.000		390.000.000	180.865.000	46,38%	209.135.000	
14	Bê tông hóa đường liên thôn Pà Xía- Ra Ty, xã Hương Lộc	UBND xã Hương Lộc	7783871	1.090.000.000		1.090.000.000	95.797.000	8,79%	994.203.000	
15	Đường giao thông vào khu sản xuất thôn Ta Cu, xã Húc	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	7766277	700.000.000		700.000.000	697.769.000	99,68%	2.231.000	
16	Đường giao thông thôn A Pong đến thôn Tà Ry, xã Húc	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	7766278	580.000.000		580.000.000	580.000.000	100,00%	-	
17	Đường giao thông nội thôn Húc, xã A Túc	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	7714283	625.000.000		625.000.000	-	0,00%	625.000.000	
18	Đường giao thông nội thôn Tăng Cô, xã A Túc	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	7766280	460.000.000		460.000.000	454.618.000	98,83%	5.382.000	
19	Đường ra khu sản xuất thôn Hồ, xã Hương Sơn	UBND xã Hương Sơn	7764535	131.000.000		131.000.000	124.344.000	94,92%	6.656.000	
20	Đường ra khu sản xuất thôn Pin, xã Hương Sơn	UBND xã Hương Sơn	7764815	230.000.000		230.000.000	220.000.000	95,65%	10.000.000	
21	Nâng cấp hệ thống nước sạch thôn Cù Bai, xã Hương Lập	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện		818.000.000		818.000.000		0,00%	818.000.000	
22	Đường giao thông liên thôn Mã Lai- Hương Hải (Km 0+00- Km 0+610), xã Hương Phụng	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện		887.000.000		887.000.000		0,00%	887.000.000	



TT	Danh mục, công trình dự án	Chủ đầu tư/ Ban Quản lý Dự án	Mã số dự án	Vốn thực hiện năm 2020			Số giải ngân đến 17/6/2020	Tỷ lệ giải ngân	Số vốn còn lại chưa thanh toán	Ghi chú
				Tổng cộng	Vốn năm 2019 kéo dài	Vốn phân bổ năm 2020				
23	Đường giao thông liên thôn Bàn Cọp, thôn Mãng Sông di thôn Ba Tầng, xã Ba Tầng- Giai đoạn 7 (Km 0+515- Km1+165)	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện		374.000.000		374.000.000		0,00%	374.000.000	
24	Đường vào khu sản xuất thôn Xa Bai, xã Hương Linh	UBND xã Hương Linh	7828196	864.000.000		864.000.000	392.000.000	45,37%	472.000.000	
25	Đường giao thông Tăng Quan I di khu sản xuất thôn Tăng Quan I, xã A Xing	UBND xã A Xing	7832920	1.043.000.000		1.043.000.000	-	0,00%	1.043.000.000	
26	Đường vào khu sản xuất tập trung thôn Xy Creo- Tà Nua- Troan Ô, xã Xy	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện		515.000.000		515.000.000		0,00%	515.000.000	
27	Hệ thống kênh mương từ Khe Ta Bang 2, Nguồn Rào, xã Hương Sơn (giai đoạn 2)	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện		680.000.000		680.000.000		0,00%	680.000.000	
28	Đường ra khu sản xuất thôn Làng Vây (Km0+00 - Km0+200)	UBND xã Tân Long	7720305	60.000.000		60.000.000	60.000.000	100,00%	-	
29	Đường vào khu sản xuất Bán Vây	UBND xã Tân Lập	7721507	200.000.000		200.000.000	173.800.000	86,90%	26.200.000	
30	Đường vào khu sản xuất Bán Cón	UBND xã Tân Lập	7765041	200.000.000		200.000.000	189.904.000	94,95%	10.096.000	
31	Đường bê tông nội thôn bản Khe Đá (giai đoạn 1)	UBND TT Lao Bảo	7764534	200.000.000		200.000.000	173.804.000	86,90%	26.196.000	
32	Đường bê tông nội bản Ka Túp	UBND TT Lao Bảo	7764536	200.000.000		200.000.000	178.210.000	89,11%	21.790.000	
33	Đường vào khu sản xuất Bán Bù	UBND xã Tân Lập	7765042	200.000.000		200.000.000	189.904.000	94,95%	10.096.000	
34	Đường vào khu sản xuất Bán Vây	UBND xã Tân Lập	7765040	200.000.000		200.000.000	192.784.000	96,39%	7.216.000	
35	Đường giao thông đi khu sản xuất thôn Khôi 6, Thị trấn Khe sanh	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện		200.000.000		200.000.000		0,00%	200.000.000	
36	Đường giao thông thôn Xa Doan ra khu tập trung xã A Dơi giai đoạn 2 (KM0+491,54 - Km1+00)	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện		980.000.000		980.000.000		0,00%	980.000.000	
37	Đường giao thông bản 5 vào khu sản xuất tập trung, xã Thuận	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện		390.000.000		390.000.000		0,00%	390.000.000	
38	Trường Tiểu học và THCS Hương Việt, Hạng mục: Nhà vệ sinh, sân bê tông, lát gạch Terazo	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện		610.000.000		610.000.000		0,00%	610.000.000	
39	Trường Tiểu học Hương Phùng, Hạng mục: Sửa chữa 04 phòng học, XD sân, tường rào	Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện		392.000.000		392.000.000		0,00%	392.000.000	

Biểu số 04



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN NÂNG CAO NĂNG LỰC CHƯƠNG TRÌNH 135 CỦA 9 THÁNG ĐẦU NĂM NĂM 2019

Kèm theo báo cáo số: 282/BC-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2020 của UBND huyện Hương Hòa *Tha*

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy mô		Vốn (tr.đ)				Lượt người tham dự (người)			Thời gian tổ chức (số ngày)	Vốn thực hiện (tr.đ)	Vốn giải ngân	Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	Tổng vốn (6=7+8+9)	NSTU (CT 135)	NSDP	NV Khác	Cán bộ xã	Cán bộ thôn	Người dân				
1	2	3	4	5	(6=7+8+9)	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG														
1	Số lượng hội nghị tập huấn năm 2019	Số lớp	11	11	210	210	0	0		168	466	22	210	210	Đã giải ngân
2	Số lượng hội nghị tập huấn năm 2020	Số lớp	18	18	250	250				300	600	27	250	250	
	Tổng cộng		29	29	460	460	0	0	0	468	1066	49	460	460	

Biểu 05

**TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẶC THÙ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
THEO QĐ SỐ 2085/QĐ-TTg NĂM 2019 VÀ NĂM 2020**

(Kèm theo báo cáo số 18/BC-UBND ngày 18/6/2020 của UBND huyện Hương Hóa) *Tg*



DIT. Đồng

STT	Đơn vị	Năm 2019		Năm 2020		Ghi chú
		Kinh phí đã phân bổ	Số đã giải ngân	Kinh phí đã phân bổ	Số đã giải ngân	
1	Phòng Dân tộc huyện	200.000.000	200.000.000			
2	UBND xã Thuận	90.000.000	87.000.000			
3	UBND xã Hương Lộc	120.000.000	-			
4	UBND xã Thanh	90.000.000	90.000.000			
5	UBND xã Hương Linh	100.000.000	100.000.000			
6	UBND xã Hương Phùng	-	-	250.000.000	-	
	Tổng cộng	600.000.000	477.000.000	250.000.000	-	

TỔNG HỢP KINH PHÍ TỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 10/2018/NQ-HĐND NGÀY 18/7/2018 CỦA HĐND TỈNH

Thêm theo báo cáo số 222/BC-UBND ngày 18/6/2020 của UBND huyện Hướng Hóa **74**



DVT: Đồng

STT	Xã, thị trấn	Năm 2019		Năm 2020		Ghi chú
		Kinh phí đã phân bổ	Số đã giải ngân	Kinh phí đã phân bổ	Số đã giải ngân	
1	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện	997.200.000	997.200.000	1.143.000.000	-	
2	Khe Sanh	12.600.000	12.600.000	-	-	
3	Tân Liên	3.600.000	3.600.000	-	-	
4	Tân Lập	13.800.000	13.800.000	-	-	
5	Tân Long	6.000.000	6.000.000	-	-	
6	Lao Bảo	12.600.000	12.600.000	-	-	
7	Thuận	65.400.000	65.400.000	-	-	
8	A Xing	39.000.000	39.000.000	-	-	
9	A Túc	61.800.000	61.800.000	-	-	
10	Xy	84.000.000	84.000.000	-	-	
11	A Dơi	39.000.000	39.000.000	-	-	
12	Húc	90.000.000	90.000.000	-	-	
13	Hướng Tân	115.800.000	115.800.000	-	-	
14	Hướng Linh	24.000.000	24.000.000	-	-	
15	Hướng Phùng	61.800.000	61.800.000	-	-	
16	Hướng Lập	31.200.000	31.200.000	-	-	
17	Hướng Việt	57.000.000	57.000.000	-	-	
	Tổng cộng	1.714.800.000	1.714.800.000	1.143.000.000	-	